

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 122/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-02-2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi: Không có.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1129/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 777/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú: Số A đường T, tổ F, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số F đường H, tổ D, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ Minh T1, sinh năm 1979;

Địa chỉ thường trú: Số A, Tỉnh lộ 15, tổ F, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T trình bày:

Bà và ông Hồ Minh T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 277, ngày 31/12/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng từ năm 2022 đến nay, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T1 sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt và gây gổ với bà và các con. Tuy ông T1 không có hành vi đánh đập nhưng ông T1 đã làm cho bà tổn thương về mặt tinh thần. Bà T đã nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn để sống hoà thuận vì con cái nhưng đến nay đã không còn đủ sức chịu đựng. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông T1 được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T xác định bà và ông T1 có 02 con chung tên Hồ Nguyễn Đan K, sinh ngày 19/05/2009 và Hồ Nguyễn Đan T2, sinh ngày 12/05/2016.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Hồ Nguyễn Đan K, sinh ngày 19/05/2009 và Hồ Nguyễn Đan T2, sinh ngày 12/05/2016. Bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung cho đến khi cả hai đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà T xác định bà và ông T1 tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định bà và ông T1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đến Tòa họp lệ nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gì của ông đối với vụ kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà tự nguyện không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung, các yêu cầu khởi kiện khác bà vẫn giữ nguyên.

Tại phiên tòa, bà T có mặt, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T1 vắng mặt, không thể hiện ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Anh T đối với ông Hồ Minh T1 là trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn ông Hồ Minh T1 hiện cư trú tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Hồ Minh T1, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đến Tòa án họp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Hồ Minh T1 không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện. Vì vậy, căn cứ theo quy định

tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Anh T và ông Hồ Minh T1 có tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 277, ngày 31/12/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Bà T xác định sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng từ năm 2022 đến nay, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T1 sống không có trách nhiệm với gia đình, với vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt và gây gổ với bà và các con. Tuy ông T1 không có hành vi đánh đập nhưng ông T1 đã làm cho bà tổn thương về mặt tinh thần. Bà T đã nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn để sống hoà thuận vì con cái nhưng đến nay đã không còn đủ sức chịu đựng. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông T1 được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Tòa án cũng đã triệu tập bà T và ông T1 đến Tòa án để tiến hành hòa giải, động viên để các bên có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ. Tuy nhiên ông T1 không đến Tòa, không thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà T, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn xảy ra. Mặc khác bà T xác định bà không còn tình cảm với ông T1, bà không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân với ông T1. Hiện tại hai vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc, tạo điều kiện cho nhau thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa mà đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay nên bà vẫn kiên quyết ly hôn với ông T1.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã phát sinh trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Bà T xác định bà và ông T1 có 02 con chung tên Hồ Nguyễn Đan K, sinh ngày 19/05/2009 và Hồ Nguyễn Đan T2, sinh ngày 12/05/2016.

Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Hồ Nguyễn Đan K, sinh ngày 19/05/2009 và Hồ Nguyễn Đan T2, sinh ngày 12/05/2016. Do ông T1 vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, xét vì lợi ích mọi mặt của cháu K và cháu T2, nguyện vọng của bà T muốn được trực tiếp nuôi chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung tên Hồ Nguyễn Đan K, sinh ngày 19/05/2009 và Hồ Nguyễn Đan T2, sinh ngày 12/05/2016 và nguyện vọng của cháu T2 và cháu K muốn được tiếp tục sống với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hồ Nguyễn Đan K và cháu Hồ Nguyễn Đan T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, nếu sau này ông T1 có tranh chấp về quyền nuôi con với bà T sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung cho đến khi cả hai đủ 18 tuổi, tuy nhiên trong quá trình giải quyết bà T rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6]. Về tài sản chung: Bà T xác định bà và ông T1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do ông T1 vắng mặt và không có ý kiến về tài sản chung, nếu sau này ông T1 có tranh chấp về tài sản chung với bà T sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác, Hội đồng xét không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[7]. Về nợ chung: Bà T xác định bà và ông T1 không có nợ chung, do ông T1 vắng mặt và không có ý kiến về vấn đề nợ chung, nếu sau này ông T1 có tranh chấp về nợ chung với bà T sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác, Hội đồng xét không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh T.

1. Về hôn nhân:

Cho bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Hồ Minh T1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 277, ngày 31/12/2008 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Anh T và ông Hồ Minh T1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Hồ Nguyễn Đan K, sinh ngày 19/05/2009 và Hồ Nguyễn Đan T2, sinh ngày 12/05/2016.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Bà T tự nguyện không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Hồ Nguyễn Đan K, sinh ngày 19/05/2009 và Hồ Nguyễn Đan T2, sinh ngày 12/05/2016.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông Hồ Minh T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Hồ Nguyễn Đan K, sinh ngày 19/05/2009 và Hồ Nguyễn Đan T2, sinh ngày 12/05/2016.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm non để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

4. Về tài sản chung: Bà T xác định bà và ông T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do ông T1 vắng mặt và không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung, nếu sau này ông T1 có tranh chấp về tài sản chung với bà T sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện.

5. Về nợ chung: Bà T xác định bà và ông T1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do ông T1 vắng mặt và không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung, nếu sau này ông T1 có tranh chấp về nợ chung với bà T sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác, Hội đồng xét không xem xét giải quyết trong vụ kiện.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà T phải chịu, được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016309, ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Định